Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND phường Hà Tu **Mẫu biểu số 75**

Chương: 830

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH

09 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 35/TB-VPHĐND&UBND ngày 09/10/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Hà Tu)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND phường Hà Tu công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 09 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**21,936,626,300**	**14,768,237,049**	**67.32%**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**21,936,626,300**	**14,768,237,049**	**67.32%**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**16,533,939,500**	**11,311,095,981**	**68.41%**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	10,052,000,000	6,645,915,199	66.12%	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	6,481,939,500	4,665,180,782	71.97%	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**697,686,800**	**696,633,800**	**99.85%**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	697,686,800	696,633,800	99.85%	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*	*697,686,800*	*696,633,800*	*99.85%*	
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**40,000,000**	**7,637,000**	**19.09%**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	40,000,000	7,637,000	19.09%	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**145,000,000**			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng/2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng/2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	145,000,000			
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
11	**Chi sự nghiệp an ninh, phòng cháy, chữa cháy**	**4,520,000,000**	**2,752,870,268**	**60.90%**	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4,520,000,000	2,752,870,268	60.90%	
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				